

Bản án số: 418/2022/DS-ST
Ngày: 12-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huyền Tôn Nữ Kiều Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mây
2. Ông Nguyễn Văn Tiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kiều – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 418/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 675/2022/QĐXX-ST ngày 05 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 792/2022/QĐST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP SG ThT

Địa chỉ: 266-268 NKKN, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Khương Xuân T, sinh năm 1992 - Là đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền số 80/2022/UQ-CNQ4 ngày 08/7/2022 của Ngân hàng TMCP SG ThT).

Địa chỉ liên hệ: 233 KhH, Phường 2, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Đinh Nữ Bảo Ng, sinh năm 1986

Địa chỉ: 55 Đường ĐHT30, Khu phố 4, phường ĐHTH, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Về nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 7 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Khương Xuân T trình bày như sau:

Ngày 02/10/2017, bà Đinh Nữ Bảo Ng có ký với Ngân hàng TMCP SG ThT (Sau đây gọi là ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản Điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ của Ngân hàng) (Sau đây gọi là hợp đồng). Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà với hạn mức 20.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Ng đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 51.460.526 đồng, bà Ng đã thanh toán cho Ngân hàng được 41.940.000 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ vào Điều 20 hợp đồng).

Do bà Ng vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại Điều 2 của hợp đồng nên ngày 31/5/2020, ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Theo Điều 23 của hợp đồng).

Tính đến ngày 12/9/2022, bà Ng còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 49.669.390 đồng, bao gồm: tiền gốc là 23.831.236 đồng, tiền lãi quá hạn là 25.838.154 đồng.

Nay, ngân hàng yêu cầu bà Đinh Nữ Bảo Ng phải trả nợ cho ngân hàng tổng số tiền là 49.669.390 đồng và khoản lãi phát sinh sau ngày 12/9/2022 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

* Về ý kiến, đề nghị của bị đơn:

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không đến Tòa án cũng không gửi văn bản trả lời về nội dung đơn kiện mặc dù đã được Tòa án nhân dân Quận 12 tổng đạt thông báo thụ lý và triệu tập đến Tòa án để giải quyết vụ kiện.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Thủ tục khởi kiện và thụ lý vụ án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Ngoài ra còn nhận xét về việc tham gia tố tụng của các đương sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Đây là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", tại thời điểm ký hợp đồng bị đơn cư trú tại Quận 12 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do nên theo quy định tại các điểm a và b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Hồ sơ thể hiện các bên có ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ của Ngân hàng). Hợp đồng này phù hợp với các quy định của pháp luật về cho vay theo quy định tại các điều 401 và 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm các bên ký kết hợp đồng. Theo nội dung hợp đồng nói trên, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho bà Đinh Nữ Bảo Ng với hạn mức 20.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, bà Ng đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 51.460.000 đồng và đã trả cho ngân hàng số tiền 41.940.000 đồng.

Ngày 03 tháng 3 năm 2020, ngân hàng đã thông báo cho bà Ng về việc trễ hạn thanh toán thẻ tín dụng nhưng bà Ng vẫn không thực hiện việc trả nợ cho ngân hàng. Bà Ng đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại Điều 2 của Hợp đồng nên ngày 31 tháng 5 năm 2020, ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn là có căn cứ. Mức lãi suất quá hạn mà ngân hàng áp dụng phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Điều 23 của Hợp đồng.

Tính đến ngày 12/9/2022, bà Ng còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 49.669.390 đồng, bao gồm: Tiền gốc là 23.831.236 đồng, tiền lãi quá hạn là 25.838.154 đồng. Ngân hàng yêu cầu bà Đinh Nữ Bảo Ng phải trả số tiền 49.669.390 đồng và khoản lãi phát sinh sau ngày 12/9/2022 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 49.669.390 nên phải chịu án phí là: $5\% \times 49.669.390 \text{ đồng} = 2.483.470 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 280, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008,

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Đinh Nữ Bảo Ng phải trả cho Ngân hàng TMCP SG ThT tiền nợ gốc là 23.831.236 (Hai mươi ba triệu tám trăm ba mươi một ngàn hai trăm ba mươi sáu) đồng, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 12 tháng 9 năm 2022 là 25.838.154 (Hai mươi lăm triệu tám trăm ba mươi tám ngàn một trăm năm mươi tư) đồng, tổng cộng là 49.669.390 (Bốn mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi chín ngàn ba trăm chín mươi) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Đinh Nữ Bảo Ng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đinh Nữ Bảo Ng phải chịu án phí là 2.483.470 (Hai triệu bốn trăm tám mươi ba ngàn bốn trăm bảy mươi) đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP SG ThT số tiền 608.948 (Sáu trăm lẻ tám ngàn chín trăm bốn mươi tám) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0104879 ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huyền Tôn Nữ Kiều Hạnh

